|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

*(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHKTQD, ngày tháng năm 20......)*

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt):*** | ***Pháp luật trong thương mại điện tử*** |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh)*** | ***Law on E-commerce*** |
| ***- Mã số học phần*** | ***LUKD1175*** |
| ***- Thuộc khối kiến thức*** | ***Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (các học phần bắt buộc)*** |
| ***- Số tín chỉ*** | **30** |
| ***+ Số tiết lý thuyết*** | **30** |
| ***+ Số tiết thảo luận/thực hành***  ***+ Số tiết tự học*** | **15**  **90** |
| ***- Các học phần tiên quyết*** | ***Pháp luật đại cương*** |

**2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY**

Bộ môn quản lý: Pháp luật kinh doanh

Địa chỉ: Phòng Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Giảng viên (liệt kê GV tham gia giảng dạy):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PGS, TS. Trần Văn Nam | SĐT: 0904245260 | Email: namtv@neu.edu.vn |
| ThS. Phạm Đức Chung | SĐT: 0941479845 | Email: chungpd@neu.edu.vn |

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Những quy định pháp luật cơ bản về: Giao dịch điện tử và các quy định pháp luật có liên quan đến giao dịch điện tử; Thương mại điện tử và các hoạt động thương mại điện tử theo quy định pháp luật. Chế độ pháp lý đối với các chủ thể kinh doanh khi tham gia vào thương mại điện tử; Pháp luật về hợp đồng kinh doanh, thương mại thông qua phương tiện điện tử; Pháp luật về thiết lập, tổ chức và quản lý website thương mại điện tử và các ứng dụng thương mại điện tử. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng những phương thức thương lượng, hòa giải thương mại, Trọng tài thương mại và Tòa án thông qua hình thức trực tuyến.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình**

1. Alan Davidson, The Law of Electronic Commerce, University of Queenland, 2009

**Tài liệu khác**

1. GS. TS. Nguyễn Thị Mơ, cẩm nang pháp luật về hợp đồng điện tử, NXB lao động xã hội, 2006
2. PGS. TS. Tào Thị Quyên, Hoàn thiện pháp luật về thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay, NXB Tư Pháp, 2015
3. TS. Dương Quỳnh Hoa, giải quyết tranh chấp trực tuyến ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 19 (419), tháng 10/2020
4. Paul Todd, E-Commerce Law, University of Wales Swansea, Cavendish publishing limited, 2005

**Văn bản pháp luật:**

1. Bộ luật dân sự năm 2015
2. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
3. Luật doanh nghiệp năm 2020
4. Luật giao dịch điện tử năm 2005
5. Luật thương mại năm 2005
6. Luật công nghệ thông tin năm 2007
7. Luật an toàn thông tin mạng năm 2015
8. Luật trọng tài thương mại năm 2010
9. Luật bảo vệ người tiêu dùng năm 2010
10. Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27-09-2018 Quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số
11. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16-05-2013 Quy định về thương mại điện tử
12. Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22-05-2018 quy định chi tiết luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại
13. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24-2-2017 quy định về hòa giải thương mại
14. Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05-12-2014 Quy định về quản lý website thương mại điện tử
15. Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31-12-2015 quy định về quản lý thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mô tả**  **mục tiêu học phần** | **CĐR của CTĐT** | **Mức độ** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | ***Chuẩn kiến thức:*** Sinh viên có kiến thức nền tảng và chuyên sâu của pháp luật về các hoạt động kinh doanh, trao đổi của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và các thủ tục hành chính của cơ quan Nhà nước thông qua phương tiện điện tử, Pháp luật về giải quyết tranh chấp trực tuyến. | CĐR 2 | 4 |
| CĐR 4 | 3 |
| CĐR 5 | 2 |
| CĐR 7 | 3 |
| G2 | ***Chuẩn kỹ năng***: Sinh viên có kỹ năng vận dụng các kiến thức pháp lý về các hoạt động kinh doanh, trao đổi của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và các thủ tục hành chính của cơ quan Nhà nước thông qua phương tiện điện tử, Pháp luật về giải quyết tranh chấp trực tuyến vào các tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn | CĐR 9 | 4 |
| CĐR 10 | 4 |
| G3 | ***Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm***: Sinh viên hình thành năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ | CĐR 13 | 3 |
| CĐR 14 | 3 |

1. **CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

| **Mục tiêu** | **CLOs** | **Mô tả CLOs\*** | **Mức độ đạt được\*\*** |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | CLO1.1 | Sinh viên nắm vững pháp luật về các hoạt động kinh doanh, trao đổi của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và các thủ tục hành chính của cơ quan Nhà nước thông qua phương tiện điện tử, Pháp luật về giải quyết tranh chấp trực tuyến. | 3 |
| CLO1.2 | Sinh viên đánh giá được nội dung pháp luật các hoạt động kinh doanh, trao đổi của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và các thủ tục hành chính của cơ quan Nhà nước thông qua phương tiện điện tử, Pháp luật về giải quyết tranh chấp trực tuyến. | 4 |
| G2 | CLO2.1 | Sinh viên có khả năng tư vấn cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước khi tham gia vào các hoạt động được thực hiện thông qua phương tiện điện tử. | 2 |
| CLO2.2 | Sinh viên vận dụng được những quy định của Luật giao dịch điện tử, Luật thương mại và các văn bản pháp luật có liên quan khác để xử lý tình huống đăng ký hoạt động thương mại điện tử, giao dịch thương mại điện tử và giải quyết tranh chấp trực tuyến. | 4 |
| G3 | CLO3.1 | Sinh viên hình thành năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ | 3 |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.1. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Nội dung/  Bài đánh giá** | **Thời điểm** | **CLOs** | **Công cụ và tiêu chí  đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** |
| Chuyên cần | Thái độ học tập trên lớp  Trả lời câu hỏi trên lớp  Trả lời các câu hỏi thảo luận | Tuần 1-15 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4 | Nhật ký giảng dạy của giảng viên với các tiêu chí đánh giá (i) Mức độ tham gia (ii) Mức độ tương tác; (iii) Chất lượng câu trả lời | 10% |
| Đánh giá quá trình | Bài kiểm tra giữa kỳ | Tuần 11 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3 | Theo yêu cầu bài kiểm tra | 40% |
| Trình bày thuyết trình: Theo các chủ đề do giảng viên giao | Tuần 7-10  Tuần 12-15 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4 | Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức đẹp; (iii) Trình bày hấp dẫn, thuyết phục; (iv) Mức độ hợp tác trong trả lời câu hỏi; (v) Thời gian trình bày |
| Đánh giá cuối kỳ | Bài thi cuối kỳ | Lịch thi học phần | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4 | Theo yêu cầu bài thi | 50% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy**

| **Tuần** | **Nội dung giảng dạy** | **Tài liệu đọc** | **CLOs** | **Hoạt động dạy và học** | **Công cụ  đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** |
| 1 | **Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT** | Đề cương học phần | CLO1.1 | Hướng dẫn đọc tài liệu  Hướng dẫn tìm tài liệu  Đặt ra yêu cầu học tập  Giới thiệu học phần | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 2 | **Chương 1. Tổng quan về giao dịch điện tử và pháp luật giao dịch điện tử**  1.1 Khái quát chung về Giao dịch điện tử  1.1.1 Khái niệm, đặc điểm giao dịch điện tử  1.1.2 Đối tượng điều chỉnh và phạm vi điều chỉnh của pháp luật giao dịch điện tử  1.1.3 Nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử  1.1.4 Sự ra đời và phát triển của giao dịch điện tử  1.2 Pháp luật Giao dịch điện tử  1.2.1 Luật mẫu của UNCITRAL về giao dịch điện tử  1.2.2 Khung pháp lý về GDĐT của một quốc gia trên thế giới  1.2.3 Các quy định của pháp luật Việt Nam về giao dịch điện tử  1.2.4 Thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử và dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử. | Alan Davidson, The Law of Electronic Commerce, University of Queenland, 2009 |  | Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp  Giảng viên giảng lý thuyết  Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 |
| 3 | **Chương 2. Khái quát chung về pháp luật thương mại điện tử**  2.1 Những vấn đề chung về Pháp luật thương mại điện tử  2.1.1 Khái niệm, đặc điểm của Thương mại điện tử  2.1.2 Nguồn luật điều chỉnh hoạt động Thương mại điện tử  2.1.3 Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh  2.1.4 Nguyên tắc thực hiện hoạt động Thương mại điện tử  2.1.5 Chủ thể của Pháp luật thương mại điện tử  2.2 Quản lý Nhà nước về Thương mại điện tử  2.2.1 Những hành vi bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử  2.2.2 Thẩm quyền quản lý Nhà nước về Thương mại điện tử | Alan Davidson, The Law of Electronic Commerce, University of Queenland, 2009 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 | Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp  Giảng viên giảng lý thuyết  Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 4 | **Chương 3. Pháp luật về hợp đồng thương mại điện tử**  3.1 Khái quát chung về Hợp đồng Thương mại điện tử  3.1.1 Khái niệm, đặc điểm của Hợp đồng Thương mại điện tử  3.1.2 Giá trị pháp lý của Hợp đồng TMĐT  3.1.3 Một số Hợp đồng TMĐT thông dụng  3.2 Giao kết và thực hiện Hợp đồng TMĐT  3.2.1 Giao kết Hợp đồng TMĐT  3.2.2 Thực hiện Hợp đồng TMĐT  3.2.3 Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng TMĐT | Alan Davidson, The Law of Electronic Commerce, University of Queenland, 2009 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 | Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp  Giảng viên giảng lý thuyết  Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 5 | **Chương 4. Pháp luật về hoạt động của Website Thương mại điện tử**  4.1 Khái quát chung Website thương mại điện tử  4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Website thương mại điện tử  4.1.2 Phân loại Website thương mại điện tử  4.2 Hoạt động của Website thương mại điện tử bán hàng  4.2.1. Khái niệm Website thương mại điện tử bán hàng  4.2.2. Trình tự, thủ tục thiết lập Website Thương mại điện tử bán hàng  4.3 Hoạt động của Sàn giao dịch thương mại điện tử  4.4 Hoạt động của Website khuyến mại trực tuyến và đấu giá trực tuyến  4.5 Hoạt động của ứng dụng thương mại điện tử  4.6 Các tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực | Alan Davidson, The Law of Electronic Commerce, University of Queenland, 2009 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 | Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp  Giảng viên giảng lý thuyết  Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 6 | **Chương 5. Pháp luật về bảo đảm an toàn giao dịch thương mại điện tử**  5.1 Khái quát chung các quy định pháp luật về an toàn trong giao dịch thương mại điện tử  5.1.1 Các rủi ro trong giao dịch thương mại điện tử  5.1.2 Pháp luật về an toàn trong giao dịch thương mại điện tử  5.2 Các biện pháp bảo đảm an toàn trong giao dịch thương mại điện tử  5.2.1 Biện pháp an toàn về thực hiện giao dịch  5.2.2 Biện pháp an toàn trong thanh toán  5.2.3 Biện pháp bảo mật thông tin khách hàng | Alan Davidson, The Law of Electronic Commerce, University of Queenland, 2009 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 | Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp  Giảng viên giảng lý thuyết  Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 7 | **Chương 6. Xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử**  6.1 Xử lý vi phạm trong Thương mại điện tử  6.1.1 Thẩm quyền xử lý vi phạm  6.1.2 Các hình thức xử lý vi phạm  6.2 Giải quyết tranh chấp trong Thương mại điện tử  6.2.1 Thương lượng  6.2.2 Hòa giải  6.2.3 Trọng tài  6.2.4 Tòa án | Alan Davidson, The Law of Electronic Commerce, University of Queenland, 2009 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 | Sinh viên đọc bài trước khi tới lớp  Giảng viên giảng lý thuyết  Thảo luận các tình huống và câu hỏi giảng viên đặt ra | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 8 | **Bài tập nhóm** |  | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | Nhóm sinh viên gửi bài nhóm cho giảng viên  Giảng viên chấm | Phiếu đánh giá với các tiêu chí (i) Nội dung; (ii) Tính mới; |
| 9 | **Trình bày bài tập nhóm** |  | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | Nhóm sinh viên báo cáo và trả lời câu hỏi  Giảng viên và các thành viên trong lớp đặt câu hỏi, nhận xét | Phiếu đánh giá với các tiêu chí : (i) Nội dung; (ii) Hình thức ; (iii) Thời gian trình bày; (iv) Mức độ tương tác |
| 10 | **Tổng kết cuối kỳ** |  | CLO1.1  CLO1.2 |  |  |
| - | **Bài thi cuối kỳ** |  | CLO1.1  CLO1.2 | Sinh viên làm bài thi theo lịch | Theo yêu cầu bài thi/kiểu đề thi |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần**

* Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

**9.2. Quy định về tham dự lớp học**

* Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình.Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
* Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm bài tập nhóm.
* Sinh viên không nộp bài tập nhóm sẽ nhận điểm 0 (không) cho bài tập sau cùng. Nhóm sinh viên nộp bài trễ sẽ bị trừ 1 điểm cho mỗi ngày nộp muộn.
* Sinh viên phải hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm được giảng viên giao theo lịch trình giảng dạy.

**9.3. Quy định về hành vi lớp học**

* Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
* Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
* Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
* Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
* Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Dương Nguyệt Nga** | **TRƯỞNG KHOA**  **PGS.TS. Trần Văn Nam** | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS. Phạm Hồng Chương** |